TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66/2017/QĐST- HNGĐ	*Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Căn cứ vào các điểm c khoản 2 Điều 366 và khoản 2 Điều 273; Điều 278; Điều 280; Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: khoản 5 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm;

Xét thấy, ngày 22.12.2017, người yêu cầu giải quyết việc dân sự "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" là bà Nguyễn Kim A. và ông Nguyễn Văn T. có đơn xin rút yêu cầu và việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật; thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết việc dân sự thụ lý số 583/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm2017 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" giữa:

Người yêu cầu:

Bà Nguyễn Kim A., sinh năm 1986

Và ông Nguyễn Văn T., sinh năm 1977

Cùng trú tại: Số 12, ngách 162 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận T, thành phố Hà Nội.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ việc dân sự theo quy định của pháp luật.

- Về lệ phí: Sung vào công quỹ nhà nước tiền tạm ứng lệ phí bà Nguyễn Kim A. và ông Nguyễn Văn T. mỗi người đã nộp 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 08219 và 08218 ngày 07.12.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Phương Thảo

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).